

---

# TÁC ĐỘNG CỦA GIAO DỊCH NGOẠI BẢNG ĐẾN LỢI NHUẬN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

**Phạm Thị Hoàng Anh**

Học viện Ngân hàng

Email: anhpth@hvn.edu.vn

**Thân Thị Hạ**

Học viện Ngân hàng

Email: thanthiha243@gmail.com

**Lại Thu Hằng**

Học viện Ngân hàng

Email: hanglt318@gmail.com

Ngày nhận: 04/8/2020

Ngày nhận bản sửa: 04/9/2020

Ngày duyệt đăng: 05/12/2020

## **Tóm tắt:**

Bài nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của hoạt động ngoại bảng tới lợi nhuận cũng như vai trò của hoạt động ngoại bảng trong xu hướng dịch chuyển từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam, giai đoạn 2013-2019. Nghiên cứu tìm ra bằng chứng thực nghiệm từ mô hình hồi quy dữ liệu bảng cho thấy giao dịch ngoại bảng tăng sẽ góp phần cải thiện nguồn thu ngoài lãi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, nhưng không làm tăng tổng lợi nhuận của ngân hàng thương mại Việt Nam. Nói cách khác, giao dịch ngoại bảng có vai trò tích cực trong thay đổi cơ cấu thu nhập từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi tại ngân hàng thương mại. Nói cách khác kết luận này cho thấy giao dịch ngoại bảng kì vọng giúp cơ cấu thu nhập của ngân hàng thương mại Việt Nam hợp lý hơn, ổn định hơn. Nghiên cứu cũng cho thấy các yếu tố vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lãi suất, tổng tài sản có tác động tích cực đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, hoạt động ngoại bảng, lợi nhuận, Việt Nam.

**Mã JEL:** G21, C33.

## **Impact of off-balance sheet activities on bank profitability: The case of Vietnam**

### *Abstract*

The paper aims at evaluating the impacts of off-balance activities on bank profitability as well as a shift from interest income to non-interest income in Vietnamese commercial banks during 2013Q1-2019Q4. Based on the panel regression model, empirical evidence shows that off-balance sheet activities could improve the ratio of non-interest income over total income but could not increase return on assets at Vietnamese commercial banks. The result implies that off-balance sheet activities play an important role in changing income structure from interest income into non-interest income. In other words, off-balance-sheet activities might lead to a reasonable and stable income structure. The research also suggests that economic growth, interest rate, total assets are found to have a significantly positive impact on bank profitability.

**Keywords:** Commercial bank, off-balance sheet activity, profitability, Vietnam.

**JEL Codes:** G21, C33.

---

## 1. Giới thiệu

Sự phát triển của công nghệ, sự thay đổi trong quy định pháp lý cũng như sự toàn cầu hóa của thị trường tài chính đang đặt ra áp lực đáng kể lên hiệu quả hoạt động của các ngân hàng. Tận dụng công nghệ mới, các ngân hàng không ngừng sáng tạo, phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiện đại mang đến trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Hoạt động ngoại bảng (Off balance sheet activities - OBS) là một trong những bước phát triển nổi bật của các ngân hàng. Phát triển giao dịch ngoại bảng được coi là chiến lược tương lai của nhiều ngân hàng.

Ở Việt Nam hiện nay, môi trường cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại (ngân hàng thương mại) ngày càng gay gắt. Điều này làm cho thu nhập biên (chênh lệch lãi suất đầu vào đầu ra) từ hoạt động tín dụng truyền thống ngày càng thu hẹp lại. Trong bối cảnh đó, hoạt động ngoại bảng tạo ra cơ hội mới cho các ngân hàng. Hoạt động ngoại bảng chủ yếu ở Việt Nam là các giao dịch phái sinh, các cam kết vay nợ tiềm ẩn như hoạt động bảo lãnh, phát hành thư tín dụng (Letter of credit - L/C). Không nằm ngoài xu hướng chung của thế giới là phát triển các hoạt động ngoại bảng, các ngân hàng thương mại Việt Nam có xu hướng triển khai nhiều công cụ tài chính hiện đại để tăng hiệu quả hoạt động, cũng như lợi nhuận ngân hàng, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của mình. Tuy nhiên, một câu hỏi đặt ra là liệu sử dụng các giao dịch ngoại bảng có thực sự giúp tăng lợi nhuận cho ngân hàng hay không? Có giúp làm thay đổi cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại Việt Nam hay không cần được luận giải cụ thể. Đó chính là lý do nhóm nghiên cứu lựa chọn chủ đề này cho bài báo khoa học của mình.

Bài báo được kết cấu thành 5 phần. Sau lời mở đầu, nhóm nghiên cứu tập trung làm rõ tổng quan nghiên cứu về tác động của hoạt động ngoại bảng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại. Phần thứ 3 mô tả phương pháp nghiên cứu và các dữ liệu nghiên cứu. Phần thứ 4 trình bày các kết quả nghiên cứu thu được từ mô hình hồi quy dữ liệu bảng của 26 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn 2013-2019. Phần cuối cùng là kết luận và khuyến nghị chính sách cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Trong thị trường tài chính hiện nay, các hoạt động ngoại bảng càng phổ biến và được coi là xu hướng phát triển của các ngân hàng thương mại. Chính vì vậy, nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã hướng đến việc nghiên cứu các hoạt động ngoại bảng nói chung cũng như đánh giá tác động của các hoạt động ngoại bảng đến kết quả kinh doanh của ngân hàng. Tuy nhiên, các nghiên cứu này đưa ra những bằng chứng thực nghiệm khá đa chiều, vừa có thể tác động dương, vừa có thể tác động âm.

Các bằng chứng về tác động tích cực của hoạt động ngoại bảng đến lợi nhuận của ngân hàng được thể hiện trong nhiều nghiên cứu như Rose (1989), Campa & Kedia (2002), Stiroh & Rumble (2006), De Jonghe (2009), Khasawneh & Al-Khadash (2014). Tác động dương của sự gia tăng các giao dịch ngoại bảng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại được giải thích như sau: (i) thu phí dịch vụ, trong đó có phí từ các giao dịch ngoại bảng như là một nguồn thu nhập bổ sung cho tổng thu nhập của ngân hàng. Vì vậy, đa dạng hóa các hoạt động ngân hàng sẽ góp phần đa dạng hóa thu nhập, tránh phụ thuộc nhiều vào thu nhập từ lãi; (ii) tăng sử dụng các giao dịch ngoại bảng sẽ giúp ngân hàng giảm chi phí bắt buộc bắt nguồn từ các quy định an toàn (regulation cost) trong lĩnh vực ngân hàng như tỷ lệ dự trữ bắt buộc, phí bảo hiểm tiền gửi,... vốn không áp dụng đối với các giao dịch ngoại bảng (Aktan & cộng sự, 2013).

Nghiên cứu của Rose (1989), Campa & Kedia (2002), Stiroh & Rumble (2006), De Jonghe (2009) cho rằng hoạt động ngoại bảng sẽ giúp làm gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng từ việc đa dạng hóa hoạt động. Sự xuất hiện của các hoạt động ngoại bảng trong kinh doanh ngân hàng đã làm gia tăng đáng kể các khoản thu nhập dưới dạng hoa hồng hay phí để bù đắp cho sự giảm thấp thu nhập các nghiệp vụ truyền thống của ngân hàng, từ đó làm đa dạng hóa các nguồn thu nhập. Hay nói cách khác, hoạt động ngoại bảng góp phần gia tăng khoản thu nhập ngoài lãi cho các ngân hàng. Theo Khambata (1989), việc tham gia vào các hoạt động ngoại bảng sẽ giúp cải thiện phạm vi hoạt động của ngân hàng, đa dạng hóa các dòng sản phẩm và thu nhập. Mặc dù thực tế cho thấy thu nhập lãi từ hoạt động cho vay luôn chiếm ưu thế và là nguồn tạo doanh thu chính cho ngân hàng, song sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường thì chuyển dịch cơ cấu thu nhập từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi có thể là một chiến lược khả quan cho các ngân hàng.

---

Dựa trên mô hình hồi quy dữ liệu bảng cho 2 biến phụ thuộc là tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA), tỷ lệ lợi nhuận trên vốn tự có (ROE), Khasawneh & Al-Khadash (2014) đã tìm ra bằng chứng thực nghiệm cho thấy tăng cường sử dụng các giao dịch ngoại bảng sẽ giúp lợi nhuận tăng lên tại 197 ngân hàng tại các quốc gia Trung Đông và Bắc Phi cho giai đoạn 2005-2011. Theo đó, các khoản phí thu từ các giao dịch ngoại bảng được coi như một nguồn thu nhập bổ sung cho các ngân hàng thương mại. Kết quả này được ủng hộ bởi các nghiên cứu trước đó như Lang & Welzel (1998), Tortosa-Ausina (2003), và Middi (2016). Một số nghiên cứu khác như Weili Ge (2006), Karim & Chan (2007) cũng đưa ra kết luận tương tự cho thấy tác động tích cực của các giao dịch ngoại bảng đến lợi nhuận của ngân hàng khi sử dụng biến đại diện là lợi nhuận của cổ phiếu cũng như giá cổ phiếu trong tương lai.

Bên cạnh những bằng chứng về tác động tích cực của hoạt động ngoại bảng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại, một số nghiên cứu khác lại tìm ra bằng chứng về tác động ngược chiều của 2 biến số này. Nghiên cứu thực nghiệm của Aktan & cộng sự (2013) về các hoạt động ngoại bảng của các ngân hàng niêm yết tại Thổ Nhĩ Kỳ cho rằng các hoạt động ngoại bảng có tác động tiêu cực tới ROE và ROA của ngân hàng. DeYoung & Roland (2001), Stiroh (2004a, 2004b), Stiroh & Rumble (2006) cũng đưa ra kết luận tương tự hoạt động ngoại bảng có tác động ngược chiều với lợi nhuận của các ngân hàng Mỹ. Tác động ngược chiều giữa giao dịch ngoại bảng và lợi nhuận ngân hàng (thể hiện thông qua 2 biến ROA, ROE) là do các giao dịch ngoại bảng có thể làm tăng nguy cơ rủi ro tỷ giá và lãi suất từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận ngân hàng (Arktan & cộng sự, 2013). Ngoài ra, các khoản thu nhập phi lãi thường không ổn định, hay biến động hơn so với các khoản thu nhập phi lãi nên có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận (DeYoung & Roland, 2001; Stiroh & Rumble, 2006).

Thêm vào đó, một số nghiên cứu đã cho thấy tác động của các giao dịch ngoại bảng đến cấu trúc thu nhập của các ngân hàng thương mại như Rogers & Sinkey (1999), Davis & Tuori (2000). Sử dụng chuỗi dữ liệu theo bảng cho các ngân hàng thương mại thuộc các quốc gia trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nghiên cứu của Davis & Tuori (2000) cho thấy sự tăng trưởng mạnh của các giao dịch ngoại bảng góp phần làm dịch chuyển từ thu nhập từ hoạt động tín dụng sang thu nhập phi lãi tại hầu hết các quốc gia Liên minh Châu Âu (EU). Đây là chiến lược kinh doanh được các ngân hàng thương mại hướng tới vì giúp ngân hàng giảm lệ thuộc vào hoạt động tín dụng, giảm rủi ro liên quan, giúp gia tăng khả năng cạnh tranh.

Các nghiên cứu về hoạt động ngoại bảng tại Việt Nam còn rất hạn chế như Nguyễn Minh Sáng & Nguyễn Thị Lan Hương (2013), Bùi Tín Nghị & Phạm Thị Hoàng Anh (2019) khi chỉ tập trung vào các loại giao dịch ngoại bảng hiện nay đang được triển khai tại Việt Nam thể hiện qua khung pháp lý điều chỉnh, doanh số giao dịch và sơ khai về quản trị rủi ro ngoại bảng. Nghiên cứu của Bùi Tín Nghị & cộng sự (2019) đã giới thiệu tổng quan về hoạt động ngoại bảng, phát triển hoạt động ngoại bảng, quy trình quản trị rủi ro ngoại bảng của các ngân hàng thương mại trên thế giới và đưa ra khuyến nghị cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan trong và ngoài nước, bài báo đánh giá tác động của hoạt động ngoại bảng tới lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2013-2019 đã có những đóng góp cụ thể như sau: Thứ nhất, khác với các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam chỉ dừng lại ở phân tích định tính (Nguyễn Minh Sáng & Nguyễn Thị Lan Hương, 2013; Bùi Tín Nghị & Phạm Thị Hoàng Anh, 2019), nghiên cứu sử dụng mô hình định lượng cho dữ liệu bảng của 26 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2013-2019. Thứ hai, các nghiên cứu định lượng trước đây thường sử dụng ROA, ROE, hoặc tỷ lệ sinh lời của cổ phiếu ngân hàng là biến phụ thuộc, nghiên cứu của chúng tôi sử dụng thêm biến số tỷ lệ thu nhập phi lãi trên tổng thu nhập trong mô hình hồi quy dữ liệu bảng. Với hai biến đại diện này, nhóm nghiên cứu kỳ vọng sẽ cho thấy vai trò của hoạt động ngoại bảng trong xu hướng dịch chuyển cơ cấu thu nhập từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2013-2019.

### 3. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào nghiên cứu của Arkatan & cộng sự (2013), Swain & Panda (2017), nghiên cứu đã xây dựng mô hình hồi quy dữ liệu bảng để đo lường tác động của hoạt động ngoại bảng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại như trình bày sau đây. Tuy nhiên, sau đó, nhóm tác giả đã sử dụng kiểm định để bổ sung biến trễ 1 vào trong mô hình:

$$N\_II_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 GDP_{i,t} + \beta_2 IR_{i,t} + \beta_3 M2_{i,t} + \beta_4 LTA_{i,t} + \beta_5 OBS\_A_{i,t} + \beta_6 LnA_{i,t} + u_t \quad (1)$$

$$ROA_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 GDP_{i,t} + \beta_2 IR_{i,t} + \beta_3 M2_{i,t} + \beta_4 LTA_{i,t} + \beta_5 OBS\_A_{i,t} + \beta_6 LnA_{i,t} + u_t \quad (2)$$

### 3.1. Các biến phụ thuộc

Nhóm nghiên cứu lựa chọn 2 biến đại diện cho lợi nhuận của ngân hàng thương mại. Ngoài việc đánh giá tác động của hoạt động ngoại bảng đến lợi nhuận ngân hàng, nhóm nghiên cứu còn muốn nhấn mạnh thêm vai trò của hoạt động ngoại bảng trong xu hướng dịch chuyển từ thu nhập từ lãi (Interest income) sang thu nhập phi lãi (Non-interest income) tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

(i)  $N\_II$  (Non - interest income): Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập.

$$\text{Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi} = \frac{\text{Thu nhập ngoài lãi}}{\text{Tổng thu nhập}}$$

(ii)  $ROA$ : Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản.

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận ròng (hoặc lợi nhuận sau thuế)}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

### 3.2. Các biến độc lập

*Nhóm các biến vĩ mô*

(i) GDP: Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế, số liệu này thu thập từ “Báo cáo tình hình kinh tế xã hội” trên website của Tổng cục Thống kê.

(ii) IR: Lãi suất cho vay bình quân của hệ thống các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, số liệu này được thu thập từ Thống kê Tài chính quốc tế (International Financial Statistics) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

(iii) M2: Tăng trưởng của lượng tiền cung ứng, số liệu này thu thập từ Mục Thống kê tại website của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tỷ lệ tăng trưởng được tính bằng cách lấy lượng tiền cung ứng của thời điểm này so với cùng kì năm trước nhằm loại bỏ yếu tố mùa vụ.

*Nhóm các biến vi mô (đặc trưng hoạt động ngân hàng)*

(iv) LTA (Loans to assets): biến số này được xác định bằng cách lấy tổng dư nợ cho vay nội tệ và ngoại tệ của ngân hàng chia cho tổng tài sản.

(v) OBS\_A: biến số này được xác định bằng cách lấy tổng tài sản ngoại bảng chia cho tổng tài sản.

(vi) LnA: Tổng tài sản của ngân hàng thương mại (lấy logarithm).

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp cho chuỗi theo quý được công bố trong các báo cáo tài chính đã được kiểm toán, đặc biệt là bảng cân đối kế toán, của 26 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn Q1/2013-Q4/2019.

## 4. Kết quả nghiên cứu và các nhận định

### 4.1. Tác động của hoạt động ngoại bảng đến thu nhập phi lãi của các ngân hàng thương mại

Kết quả hồi quy với chuỗi dữ liệu theo bảng của 26 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2013Q1-2019Q4, được thể hiện trong Bảng 1. Sử dụng kiểm định Hausman cho thấy mô hình hồi quy hiệu ứng ngẫu nhiên được lựa chọn là mô hình tối ưu (phương trình 3, Bảng 1). Các kiểm định về phương sai sai số thay đổi (Modified Wald test), tự tương quan (kiểm định Wooldridge), tính ổn định của mô hình cho thấy mô hình tốt để đánh giá tác động của hoạt động ngoại bảng đến thu nhập phi lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

*Thứ nhất*, mô hình hồi quy dữ liệu bảng cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy các giao dịch ngoại bảng có mối quan hệ tích cực và có ý nghĩa thống kê đến thu nhập ngoài lãi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nói cách khác, giao dịch ngoại bảng tăng sẽ góp phần cải thiện nguồn thu ngoài lãi, qua đó góp phần thay đổi cơ cấu thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2013-2019. Kết quả nghiên cứu này ủng hộ quan điểm của những nghiên cứu trước đây, đặc biệt là Rogers & Sinkey (1999), Davis & Tuori (2000), Baele & cộng sự (2007), Adrian & Shin (2009) và Pellerin (2008).

**Bảng 1: Tác động của ngoại bảng đến thu nhập phi lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam**

	Mô hình Hồi quy Pooled (1)	Mô hình hiệu ứng cố định (2)	Mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (3)
GDP (Tổng sản phẩm quốc nội)	0,261*	0,183	0,225*
	(1,821)	(1,51)	(1,84)
GDP độ trễ 1	0,121	0,120	0,131
	(0,79)	(0,95)	(1,02)
Lãi suất	0,649**	0,568**	0,620**
	(2,44)	(2,37)	(2,56)
Lãi suất độ trễ 1	-0,0109	0,0891	0,0315
	(-0,05)	(0,44)	(0,15)
Cung tiền	-0,0925*	-0,0782***	-0,0906***
	(-2,48)	(-2,72)	(-3,14)
Cung tiền độ trễ 1	-0,128***	-0,101***	-0,120***
	(-3,821)	(-3,93)	(-4,73)
Dư nợ/Tổng tài sản	-0,000509	-0,000323	-0,00161
	(-0,10)	(-0,08)	(-0,41)
Dư nợ/Tổng tài sản độ trễ 1	0,0120**	0,00601	0,00612
	(2,47)	(1,56)	(1,57)
Tài sản ngoại bảng	0,000000354***	0,000000190	0,0000002
	(12,35)	(1,40)	(1,45)
Tài sản ngoại bảng độ trễ 1	0,000000413***	0,000000243*	0,000000254*
	(13,28)	(1,79)	(1,84)
Tổng tài sản	-2,748	0,584	-0,780
	(-1,34)	(0,31)	(-0,42)
Tổng tài sản độ trễ 1	3,918*	3,554*	3,058*
	(1,92)	(1,93)	(1,65)
Hàng số	-17,69***	-59,47***	-32,97***
	(-6,12)	(-6,19)	(-5,40)
Số quan sát	674	674	674

Ghi chú: (...) là Thống kê T; \*\*\*, \*\*, \* thể hiện hệ số có mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Kết quả thu được từ phần mềm Stata 14.

Việc cung cấp hoạt động ngoại bảng như các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, giao dịch phái sinh, cam kết bảo lãnh... giúp ngân hàng tăng các khoản thu nhập ngoài lãi từ khoản phí thu được. Ở Việt Nam, các ngân hàng thương mại chủ yếu tập trung vào hai hoạt động ngoại bảng là bảo lãnh, hợp đồng phái sinh ngoại hối và cam kết L/C (Bùi Tín Nghị & Phạm Thị Hoàng Anh, 2019; Bùi Tín Nghị & cộng sự, 2019). Hoạt động bảo lãnh là một trong các dịch vụ đem lại lợi ích trực tiếp cho ngân hàng từ phí bảo lãnh và hiện đang chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng phí dịch vụ của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam hiện nay. Tương tự, các giao dịch ngoại bảng khác như giao dịch phái sinh, phát hành L/C, xác nhận L/C,... cũng đem lại nguồn thu phi ngoài lãi lớn, góp phần đa dạng hóa thu nhập của ngân hàng thương mại.

Thứ hai, kết quả thu được từ mô hình cho thấy tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ tích cực và tác động mạnh mẽ đến thu nhập ngoài lãi của ngân hàng thương mại. Hahm (2008), Chortareas & cộng sự (2012), Hakimi & cộng sự (2012) cho rằng tăng trưởng kinh tế ổn định, thu nhập ngoài lãi sẽ cao hơn. Tại các quốc gia có nền kinh tế và thị trường tài chính phát triển, các ngân hàng kinh doanh tại những quốc gia này thường có cơ hội cung cấp rộng rãi hơn các sản phẩm tài chính, nhờ đó, tạo ra nguồn thu nhập ngoài lãi lớn hơn. Hơn nữa, khi kinh tế tăng trưởng, thu nhập người dân cao hơn, họ sẽ gửi tiền nhiều trong ngân hàng, cũng như sử dụng nhiều dịch vụ trong ngân hàng. Trong những năm gần đây, Việt Nam duy trì mức tăng trưởng kinh tế ổn định đặc biệt năm 2018, GDP đạt mức 7,08%, mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây tạo điều kiện cho nguồn thu ngoài lãi tăng. Theo nghiên cứu của Công ty Chứng khoán BIDV (BSC), trong nửa đầu năm 2019, thu nhập ngoài lãi của toàn hệ thống ngân hàng đã tăng trưởng mạnh, tăng trưởng từ phí dịch vụ 46% so với cùng kỳ nhờ việc tăng trưởng khách hàng và tăng phí dịch vụ.



*Thứ ba*, kết quả thu được từ mô hình cũng cho thấy lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại tăng khiến cho thu nhập ngoài lãi cũng tăng theo với mức ý nghĩa 5%. Khi lãi suất cho vay bình quân tăng, đồng nghĩa với chi phí vay vốn tăng lên, các ngân hàng gặp khó khăn trong hoạt động cho vay. Để đảm bảo nguồn thu như cũ, các ngân hàng thương mại sẽ có xu hướng thực hiện chiến lược đa dạng hoá nguồn thu để chuyển qua các hoạt động khác nhằm tìm kiếm cơ hội mới. Nguồn thu ngoài lãi của ngân hàng từ các hoạt động dịch vụ và các giao dịch ngoại bảng sẽ đóng vai trò cực kì quan trọng lúc này.

*Thứ tư*, mô hình hồi quy dữ liệu bảng cũng cho thấy tổng tài sản của ngân hàng tác động tích cực đến thu nhập ngoài lãi của các ngân hàng thương mại với mức ý nghĩa 10%. Kết quả này là hoàn toàn tương tự như như Antonina (2010), Gul & cộng sự (2011) đã tìm được mối liên hệ tích cực giữa quy mô và chất lượng các khoản vay đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Tuy nhiên, nghiên cứu của Tô Ngọc Hưng & Nguyễn Đức Trung (2011), Đoàn Việt Hùng (2016) cho thấy dư nợ cho vay và lợi nhuận ngân hàng có quan hệ ngược chiều. Kết luận này có thể bắt nguồn từ hậu quả của việc tăng trưởng tín dụng cao trong thời kỳ trước, trong khi năng lực quản trị rủi ro của các ngân hàng còn hạn chế, cùng với những biến động bất lợi của nền kinh tế khiến cho tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu tăng lên, ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận ngân hàng. Để khắc phục, các ngân hàng cần thực hiện đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa nguồn thu nhập theo hướng tăng tỷ trọng thu nhập phi lãi, giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn thu nhập từ lãi.

#### 4.2. Tác động của hoạt động ngoại bảng đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại

Kết quả hồi quy với chuỗi dữ liệu theo bảng của 26 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2013Q1-

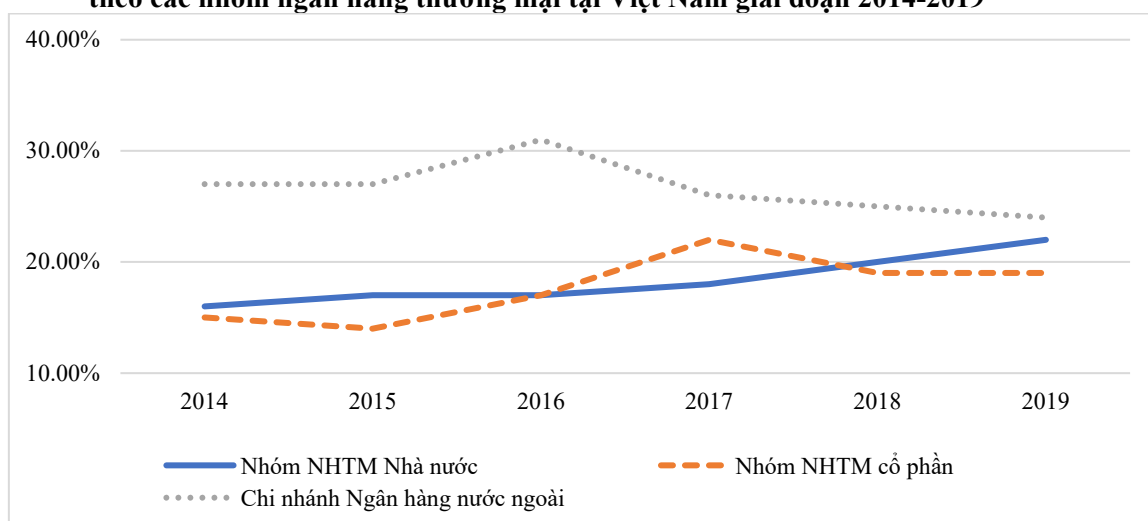
**Bảng 2: Tác động của ngoại bảng đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam**

	Mô hình Hồi quy Pooled (1)	Mô hình hiệu ứng cố định (2)	Mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (3)
GDP	1,337*** (6,80)	1,311*** (6,54)	1,334*** (6,66)
GDP độ trễ 1	-0,260 (-1,32)	-0,264 (-1,26)	-0,256 (-1,22)
Lãi suất	1,221*** (3,05)	1,195*** (3,02)	1,221*** (3,08)
Lãi suất độ trễ 1	-0,602* (-1,95)	-0,535 (-1,61)	-0,570* (-1,72)
Cung tiền	-0,0863 (-1,33)	-0,0736 (-1,55)	-0,0813* (-1,73)
Cung tiền độ trễ 1	0,187*** (2,73)	0,196*** (4,62)	0,166*** (4,49)
Dư nợ/Tổng tài sản	-0,0107 (-1,44)	-0,00642 (-0,46)	-0,00690 (-0,75)
Dư nợ/Tổng tài sản độ trễ 1	-0,00789 (-1,00)	-0,00642 (-1,01)	-0,00690 (-1,09)
Tài sản ngoại bảng	-0,000000316*** (-5,36)	-0,000000449** (-2,00)	-0,00000043* (-1,91)
Tài sản ngoại bảng độ trễ 1	-0,000000068* (1,71)	-0,000000076 (0,34)	-0,000000055 (-0,24)
Tổng tài sản	3,386 (0,94)	5,965* (1,92)	5,019* (1,66)
Tổng tài sản độ trễ 1	-1,556 (-0,43)	-2,091 (-0,95)	-2,972 (-0,99)
Hàng số	-34,38*** (-10,06)	-52,98*** (-3,34)	-38,17*** (-5,12)
Số quan sát	675	675	675

Ghi chú: (...) là *t*-statistics; \*\*\*, \*\*, \* thể hiện hệ số có mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Kết quả thu được từ phần mềm Stata 14.

**Hình 1: Tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ trên tổng thu nhập theo các nhóm ngân hàng thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2014-2019**



Nguồn: Báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam qua các năm.

2019Q4, được thể hiện trong Bảng 2. Kiểm định Hausman test cho thấy mô hình hồi quy hiệu ứng ngẫu nhiên (phương trình (3)) được lựa chọn là mô hình tối ưu. Các kiểm định về phương sai sai số thay đổi, tự tương quan, tính ổn định của mô hình cho thấy mô hình tốt để đánh giá tác động của hoạt động ngoại bảng đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

*Thứ nhất*, kết quả hồi quy dữ liệu bảng cho thấy khi tài sản ngoại bảng của ngân hàng thương mại tăng lại làm giảm tổng lợi nhuận của ngân hàng thương mại Việt Nam với mức ý nghĩa 10%. Tuy nhiên có thể thấy hệ số hồi quy vô cùng nhỏ, nên có thể coi tác động ngược chiều này là không đáng kể. Bằng chứng này có nghĩa là, giao dịch ngoại bảng làm tăng thu nhập phi lãi nhưng ảnh hưởng không đáng kể đến lợi nhuận ngân hàng tại Việt Nam. Nói cách khác, các giao dịch ngoại bảng đã đóng góp vai trò quan trọng trong dịch chuyển cơ cấu thu nhập của ngân hàng thương mại từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi. Vai trò này của các giao dịch ngoại bảng đã được chứng minh trong các nghiên cứu của Rogers & Sinkey (1999), Davis & Tuori (2000). Đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam, kết luận này có thể hiểu trong điều kiện nguồn lực có hạn, mở rộng hoạt động ngoại bảng sẽ có thể làm thay đổi tích cực trong cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại. Cụ thể, cơ cấu thu nhập sẽ có sự dịch chuyển từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi. Đây cũng là chiến lược phát triển mà nhiều ngân hàng hiện nay đang hướng tới được thể hiện trong “Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025 và định hướng 2030”. Với một nền kinh tế có độ mở cao như Việt Nam thì cơ hội mở rộng và phát triển các giao dịch ngoại bảng (giao dịch phái sinh ngoại hối, thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại quốc tế theo phương thức tín dụng chứng từ, bảo lãnh...) sẽ góp phần tăng thu dịch vụ của các ngân hàng thương mại. Các số liệu cho thấy thu nhập từ dịch vụ của nhóm ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng lên trong giai đoạn 2014-2019 (Hình 1).

*Thứ hai*, kết quả thu được cho thấy biến tăng trưởng GDP cho kết quả ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại ở cả ba mô hình đều mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Điều này cho thấy khi nền kinh tế tăng trưởng thì lợi nhuận của ngân hàng cũng tăng. Kết luận này hoàn toàn nhất quán với Kosmidou & cộng sự (2006), Neely & Wheelock (1997), Suffian & Chong (2008). GDP là một trong những chỉ số cơ bản để đánh giá sự phát triển kinh tế của quốc gia. Khi nền kinh tế tăng trưởng cao và ổn định, các chủ thể trong nền kinh tế có nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh làm cho nhu cầu về vốn tăng lên. Điều này giúp các ngân hàng tăng khoản thu từ hoạt động cho vay khách hàng hay nói cách khác chính là tăng thu nhập từ lãi. Đồng thời, khi nền kinh tế tăng trưởng tốt thì năng lực tài chính của khách hàng vay vốn được nâng cao, điều này làm tăng khả năng hoàn trả vốn và lãi, dẫn đến rủi ro tín dụng giảm,

---

lợi nhuận của ngân hàng tăng lên.

*Thứ ba*, về biến lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng giảm làm cho lợi nhuận của ngân hàng cũng giảm theo. Kết luận này nhất quán với các nghiên cứu của Alessandri & Nelson (2015), Borio & cộng sự (2017). Cụ thể, khi lãi suất cho vay bình quân giảm làm cho khoản thu nhập từ lãi giảm, kéo theo đó lợi nhuận của ngân hàng cũng bị giảm. *Thứ tư*, mức cung tiền tăng lên có tác động tiêu cực ngay lập tức tới lợi nhuận của các ngân hàng thương mại, nhưng sau đó lại có tác động dương với độ trễ 1 quý có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Kết luận này hoàn toàn nhất quán với nghiên cứu của Nelson (2015), Borio & cộng sự (2017). Mức cung tiền là một trong những công cụ của Ngân hàng Trung ương trong điều hành chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Khi muốn hạ lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, Ngân hàng Trung ương can thiệp bơm thêm tiền vào nền kinh tế qua nghiệp vụ thị trường mở, bằng cách mua vào các giấy tờ có giá. Và khi lãi suất giảm sẽ ảnh hưởng làm thu nhập từ lãi của ngân hàng giảm xuống ngay lập tức. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy sau 1 quý, lãi suất giảm được kì vọng sẽ thúc đẩy tín dụng tăng trưởng mạnh hơn, nhờ đó giúp lợi nhuận của ngân hàng tăng lên.

### **5. Kết luận và khuyến nghị chính sách**

Bài nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá tác động của hoạt động ngoại bảng tới lợi nhuận cũng như vai trò của hoạt động ngoại bảng trong xu hướng dịch chuyển từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2013-2019. Nghiên cứu tìm ra bằng chứng thực nghiệm cho thấy giao dịch ngoại bảng tăng sẽ góp phần cải thiện nguồn thu ngoài lãi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tuy nhiên, giao dịch ngoại bảng lại không làm tăng tổng lợi nhuận của ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả này cho thấy vai trò tích cực của các giao dịch ngoại bảng trong dịch chuyển từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi, giúp cơ cấu thu nhập của ngân hàng thương mại Việt Nam hợp lý hơn, ổn định hơn. Như vậy để gia tăng nguồn thu nhập ngoài lãi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam thì tăng cường triển khai các giao dịch ngoại bảng là một giải pháp hữu hiệu.

Về phía Ngân hàng Nhà nước, cần có quy định riêng nhằm khuyến khích hoạt động ngoại bảng phát triển bao gồm các giao dịch như bảo lãnh, phát hành L/C, đặc biệt là các công cụ tài chính phát sinh. Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét cấp phép cho các ngân hàng thương mại mở rộng các sản phẩm ngoài quy định hiện hành như phái sinh ngoại tệ thời gian trên 365 ngày do khách hàng gặp rủi ro tỷ giá ở các khoản nợ vay trung và dài hạn bằng ngoại tệ hay phái sinh lãi suất để phòng ngừa rủi ro lãi suất. Bên cạnh đó thì Ngân hàng Nhà nước cũng cần có hướng dẫn cụ thể hơn về chuẩn mực kế toán với các sản phẩm của kế toán phái sinh của các ngân hàng thương mại. Theo TT02/2013-NNHN (Ngân hàng Nhà nước, 2013) quy định đối với các cam kết ngoại bảng, các ngân hàng thương mại chỉ thực hiện phân loại nợ để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng và chỉ phải trích lập dự phòng khi rủi ro xảy ra. Điều này làm gia tăng rủi ro tiềm ẩn tương lai và ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng. Do vậy, cũng cần có quy định về tỉ lệ trích lập dự phòng cho các ngân hàng thương mại đối với các sản phẩm ngoại bảng.

Thứ hai, tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ tích cực và tác động mạnh mẽ đến thu nhập ngoài lãi và tổng lợi nhuận của ngân hàng thương mại. Thêm vào đó, nghiên cứu cũng cho thấy mức cung tiền có tác động âm đến thu nhập ngoài lãi và lợi nhuận của ngân hàng thương mại. Từ 2015 Ngân hàng Nhà nước vẫn tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng nhưng khá thận trọng và có động thái hạ lãi suất trần làm tăng hạn mức tín dụng. Trong ngắn hạn, việc giảm lãi suất huy động khiến người dân rút tiền gửi và tham gia các kênh đầu tư khác. Cùng với việc lãi suất huy động giảm sẽ kéo theo lãi suất cho vay cũng giảm ảnh hưởng đến lợi nhuận của các ngân hàng. Đây vừa là thách thức vừa là cơ hội để các ngân hàng thương mại đẩy mạnh phát triển hoạt động phi truyền thống để tăng nguồn thu.



---

## Tài liệu tham khảo

- Adrian, T., Moench, E. & Shin, H.S. (2009), 'Financial intermediation, asset prices and macroeconomic dynamics', *Staff Reports 422*, Federal Reserve Bank of New York.
- Alessandri, P., Nelson, B.D. (2015), 'Simple banking: Profitability and the yield curve', *Journal of Money, Credit and Banking*, 47(1), 143-175.
- Antonina, D. (2010), 'Determinants of bank profitability in Ukraine', *Undergraduate Economic Review*, 7(1), retrieved on 22<sup>nd</sup> September 2020, from <<https://digitalcommons.iwu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1106&context=uer>>.
- Aktan, B., Chan, S., Žiković, S. & Mandacić, P.E. (2013), 'Off-balance sheet activities impact on commercial banks performance: An emerging market perspective', *Ekonomika Istrazivanja – Economic research*, 26(3), 117-132.
- Baele, L., Jonghe, O.D. & Vennet, R.V. (2007), 'Does the stock market value bank diversification?', *Journal of Banking & Finance*, 31(7), 1999-2023.
- Borio, C., Gambacorta, L., Hofmann, B. (2017), 'The influence of monetary policy on bank profitability', *International Finance*, 20, 48-63.
- Bùi Tín Nghị & Phạm Thị Hoàng Anh (2019), 'Hoạt động ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 209, 20-35.
- Bùi Tín Nghị, Phạm Thị Hoàng Anh, Tô Thị Diệu Loan, Lại Thị Thanh Loan, Đào Bích Ngọc, Nguyễn Thị Thu Trang, Đỗ Thu Hằng, Đoàn Ngọc Thắng, Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Tuyết Dương, & Nguyễn Xuân Hiệp (2019), 'Quản trị rủi ro ngoại bảng tại ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam', Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành ngân hàng năm 2018, Học viện Ngân hàng.
- Campa, J.M. & Kedia, S. (2002), 'Explaining the diversification discount', *Journal of Finance*, 57(4), 1731-1762.
- Chortareas, G., Giradone, C. & Ventouri, A. (2012), 'Bank supervision, regulation, and efficiency: Evidence from the European Union', *Journal of Financial Stability*, 8(4), 292-302.
- Davis, E.P. & Touri, K. (2000), 'The changing structure of banks' income: An empirical investigation', *Economics and Finance Working Papers, Brunel University No 00-11*, Brunel University, West London.
- De Jonghe (2009), 'Back to the basics in banking? A micro-analysis of banking system stability', *Journal of Financial Intermediation*, 19(3), 387-417.
- DeYoung, R. & Roland, K.P. (2001), 'Product mix and earnings volatility at commercial banks: evidence from a degree of leverage model', *Working Papers Series WP-99-6*, Federal Reserve Bank of Chicago.
- Đoàn Việt Hùng (2016), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam', *Tạp chí Khoa học Lạc Hồng*, 5, 89-94.
- Gul, S., Irshad, F. & Zaman, K. (2011), 'Factors affecting bank profitability in Pakistan', *Romania Journal of economic forecasting*, 14(39), 61-87.
- Hahm, Joon-Ho (2008), 'Determinants and consequences of non-interest income diversification of commercial banks', *OECD Countries East Asian Economic Review*, 12(1), 3-31.
- Hakimi, A., Hamdi, H. & Mouldi, D. (2012), 'Modelling non-interest income at Tunisian banks', *Asian Economic and Financial Review*, 2(1), 88-99.
- Karim, M.Z.A. & Chan, S. (2007), 'Off-balance sheet activities and performance of commercial banks in Malaysia', *ICFAI Journal of Financial Economics*, 5(4), 67-80.
- Khambata, D. (1989), 'Off-balance-sheet activities of US banks: An empirical evaluation', *Columbia Journal of World Business*, 24(2), 3-11.
- Khasawneh, A.Y. & Al-Khadash, H.A. (2014), 'Risk and profitability in Middle East and North Africa banking system: An examination of off-balance sheet activities', *The International journal of business and finance research*, 8(3), 13-26.
- Kosmidou, K., Pasiouras, F., Zopounidis, C. & Doumpos, M. (2006), 'A multivariate analysis of the financial characteristics of foreign and domestic banks in UK', *Omega*, 34(2), 189-195.
- Lang, G. & Welzel, P. (1998), 'Technology and cost efficiency in universal banking: A "Thick Frontier"-analysis of the

- 
- German banking industry', *Journal Product Analysis*, 10(1), 63-84.
- Middi, A. (2016), 'Off-balance sheet exposure-performance analysis and risk measurement of Indian banks', *Archives of Business Research*, 4(1), 112-117.
- Neely, M.C. & Wheelock, D.C. (1997), 'Why does bank performance vary across states?', *Federal Reserve Bank of St. Louis Review*, 79(2), 27-40.
- Ngân hàng Nhà nước (2013), *Thông tư số 02/2013/TT-NHNN về quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*, ban hành ngày 21 tháng 01 năm 2013.
- Nguyễn Minh Sáng & Nguyễn Thị Hạnh Hoa (2013), 'Phân tích thực nghiệm các nhân tố tác động đến thu nhập ngoài lãi của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí Ngân hàng*, 22, 27-34.
- Pellerin (2008), 'L'effet des activités hors-bilan sur la rentabilité et la volatilité des revenus des banques canadiennes', *Mémoire, DESS finance*, Université du Québec en Outaouais (UQO).
- Rogers, K. & Sinkey, J.F. (1999), 'An analysis of nontraditional activities at US commercial banks-evidence of market discipline', *Review of Financial Economics*, 8(1), 25-39.
- Rose, P.S. (1989), 'Diversification of the banking firm', *The Financial Review*, 24(2), 251-280.
- Stiroh, K.J. (2004a), 'Do community banks benefit from diversification?', *Journal of Financial Service Research*, 25, 135-160.
- Stiroh, K.J. (2004b), 'Diversification in banking: is non-interest income the answer?', *Journal of Money, Credit and Banking*, 36, 853-882.
- Stiroh, K.J. & Rumble, A. (2006), 'The dark side of diversification: the case of US financial holding companies', *Journal of Banking & Finance*, 30(8), 2131-2161.
- Suffian, F. & Chong, R.R. (2008), 'Determinants of bank profitability in a developing economy: Empirical evidence from Philippines', *Asian Academy of Management Journal of Accounting and Finance*, 4(2), 91-112.
- Swain, A.K. & Panda, G.P. (2017), 'Off balance sheet exposure of public sector banks in India: An empirical analysis', *Imperial Journal of Interdisciplinary Research*, 3(2), 182-191.
- Tortosa-Ausina, Emili (2003), 'Nontraditional activities and bank efficiency revisited: A distributional analysis for Spanish financial institutions', *Journal of Economics and Business*, 55(4), 371-395.
- Tô Ngọc Hưng & Nguyễn Đức Trung (2011), 'Hoạt động ngân hàng Việt Nam: Nhìn lại năm 2011 và một số giải pháp cho năm 2012', *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở*, Học viện Ngân hàng.
- Weili Ge (2006), *Off-balance-sheet activities, earnings persistence and stock prices: Evidence from operating leases*, truy cập lần cuối ngày 22 tháng 9 năm 2020, from <[https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=816044](https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=816044)>.